

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 131
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Mì trứng nấu tôm tươi, bí ngòi, cải dúng, hành lá, hành phi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá ngừ sốt cà chua, hành lá
- Canh bắp cải nấu thịt heo, hành lá, ngò rí
- Rau dền luộc
Xế: Nước cam
Xế chiều: Súp cua biển, su su, bắp mỹ, nấm đông cô tươi, trứng gà, bột năng, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,500	3,140	47,100
2	0494	Đường cát	3,700	3,880	143,560
3	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
4	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
5	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
6	0004	Gạo tẻ máy	6,700	2,560	171,520
7	0120	Hành lá (hành hoa)	300	5,250	15,750
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	150	8,720	13,080
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
10	0185	Tỏi ta	200	7,460	14,920
11	N0777	Mì sợi	2,100	7,700	161,700
12	0424	Tôm sú	1,500	36,540	548,100
13	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bán)	600	6,090	36,540
14	0716	Cải dún (nhúng)	400	5,570	22,280
15	0392	Cá ngừ	7,100	11,240	798,040
16	0087	Cà chua	1,900	7,350	139,650
17	0092	Cải bắp	3,000	4,520	135,600
18	N0770	Thịt nạc dăm	1,100	18,800	206,800
19	N0766	Rau dền cơm	1,100	4,200	46,200
20	0214	Cam sành	5,500	5,040	277,200
21	N0810	Thịt cua tươi	800	92,400	739,200
22	0180	Su su	1,000	3,260	32,600
23	0007	Ngò bắp tươi	1,000	3,680	36,800
24	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	150	27,300	40,950

25	0451	Trứng gà công nghiệp	600	7,333.3	44,000
26	0649	Bột năng	900	4,812.5	43,313
27	0457	Sữa bột toàn phần	4,959.89	20,500	1,016,777
Tổng cộng					4,847,000

Tổng tiền thực phẩm	4,847,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,847,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	49,173,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	49,173,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Trần Thị Khánh Ly

Ngô Thị Ngọc Lan